

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LŨ
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 24/7/2023

"V/v Tranh chấp mốc giới quyền sử
dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LŨ, TỈNH HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Mạnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Hiền

2. Ông Lương Văn Kế

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1979 "vắng mặt"

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 "vắng mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1976 "vắng mặt"

Đương sự đều có địa chỉ: Thôn AL, xã ĐT huyện TL, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Luật sư Lê Tiến L - Văn phòng luật sư PH và CS, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hưng Yên là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2023); Địa chỉ: Số nhà 240, đường TQP, phường AT, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên "có mặt"

Người làm chứng:

- Anh Vũ Tuấn K, sinh năm 1966 "vắng mặt"

- Chị Đoàn Thị Lan A, sinh năm 1970 "vắng mặt"

- Chị Dương Thị X, sinh năm 1978 "vắng mặt"

Đều có địa chỉ: Thôn AL, xã ĐT huyện TL, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Vũ Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn S và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2020 vợ chồng chị H anh S cùng vợ chồng anh Vũ Tuấn K chị Đoàn Thị Lan A (chị gái anh S) cùng mua chung một mảnh đất diện tích 216,9m² tại tờ bản đồ số 17, thửa số 08 của bà Lê Thị C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ở thôn AL, xã ĐT, huyện TL. Sau khi làm thủ tục mua đất xong hai bên thống nhất tách làm hai thửa, vợ chồng chị Lan A lấy phần đất ở phía Bắc diện tích 108,1m² giáp đất gia đình bà Dương Thị X (tức S), phần còn lại phía Nam là của vợ chồng chị H diện tích 108,8m² giáp đất gia đình bà Nguyễn Thị T. Đầu năm 2020, vợ chồng chị H và vợ chồng chị Lan A tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện diện tích đất mua của bà Lê Thị C thiếu hơn 03m². Sự việc được chính quyền xã ĐT và Văn phòng đăng ký đất huyện Tiên Lữ đo đạc xác định phần đất gia đình bà X lấn sang phần đất của vợ chồng chị Lan A, bà X đã công nhận trả lại đất hai bên không tranh chấp gì. Còn gia đình bà T xây tường, làm nhà trước đã lấn sang phần đất của vợ chồng chị H. Bà T chứng kiến việc đo đạc công nhận phần đất lấn chiếm và hứa sẽ trả lại. Ngày 21/4/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cả hai chị em.

Tháng 5/2020 vợ chồng chị H xây nhà trên đất thì phát hiện ô văng nhà bà T đưa ra lấn sang không xây tường nhà cao được. Vợ chồng chị H sang nói chuyện tình cảm để hai bên thương lượng với nhau giữ tình làng nghĩa xóm nhưng gia đình bà T không công nhận, không phá dỡ ô văng và tường bao để trả lại đất. Vợ chồng chị đã làm đơn đề nghị UBND xã giải quyết, hòa giải nhưng không có kết quả. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại phần đất đã lấn chiếm khoảng 1,4m² và phá dỡ ô văng nhà xây đưa ra trả lại khoảng không theo chiều thẳng đứng.

Tại đơn đề nghị, biên bản lấy lời khai bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 1993 gia đình bà mua của UBND xã ĐT thửa đất có diện tích hơn 200m² giáp với phần đất của gia đình cụ Lê Đức Đ (bố đẻ bà C). Đến năm 1996 gia đình bà xây ngôi nhà hai tầng trên đất đã gọi bà C ra nhận mốc giới xây tường bao quanh. Năm 2014 gia đình bà đã được cấp bìa đồ diện tích 243,2m² tại tờ bản đồ số 17, thửa số 10. Từ khi mua đất, làm nhà giữa gia đình bà và gia đình bà C sử dụng ổn định, không tranh chấp. Năm 2020 bà C bán lại mảnh đất cho vợ chồng chị H và vợ chồng chị Lan A mỗi bên lấy một nửa, phần đất của vợ chồng chị H giáp với đất gia đình bà. Đến tháng 4/2020 gia đình bà đổ cát nâng sân xây lại tường bao thì chị H sang nói gia đình bà lấn chiếm đất. Bà nói với chị H là đất gia đình sử dụng ổn định, không lấn của ai, xây tường theo mốc cũ nên không thừa nhận lấn chiếm đất. UBND xã ĐT hòa giải giữa hai bên nhưng không thành. Trước yêu cầu của nguyên đơn bà T không đồng ý trả đất, đề nghị Tòa án bác

đơn khởi kiện.

Người làm chứng chị Dương Thị X và vợ chồng anh Vũ Tuấn K chị Đoàn Thị Lan A là hàng xóm đất liền kề xác định không tranh chấp mốc giới với ai. Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ đất của hai gia đình đã nhận mốc giới, ký biên bản xem xét thẩm định không thắc mắc gì.

Xác minh tại UBND xã ĐT được biết: Nguồn gốc mảnh đất đang tranh chấp là đất công được UBND xã bán cho các hộ gia đình từ năm 1993. Hiện trạng đất của hai bên gia đình qua các thời kỳ đo vẽ như sau:

Theo sổ mục kê, bản đồ 299 đo vẽ năm 1986 toàn bộ thửa đất là ruộng, ao, nương máng do UBND xã quản lý thể hiện tại tờ bản đồ số 02, không có số thửa và diện tích tại thôn AL, xã ĐT, huyện TL. Năm 1993 UBND xã bán mảnh đất cho 15 hộ dân có nhu cầu sử dụng, mỗi suất có chiều rộng giáp mặt đường 10m, dài 20m diện tích 200m². Cụ Lê Đức Đ bố đẻ bà C và gia đình bà T là một trong 15 hộ dân mua 01 suất đứng tên. Hiện trạng khi giao đất cho các hộ dân vẫn là đất ruộng, thung vũng, hình thức đo đạc thủ công nên việc xác định mốc giới không chính xác.

Theo bản đồ đo đạc năm 1999 phần đất của vợ chồng chị H đang sử dụng thể hiện tại tờ bản đồ số 16, thửa số 157, diện tích 231,4m² đứng tên chủ sử dụng Lê Đức Đ. Còn đất gia đình bà T thể hiện tại tờ bản đồ số 16, thửa số 161 diện tích 255,2m² đứng tên chủ sử dụng là Nguyễn Hữu Gi (chồng bà T).

Theo bản đồ VLAP số hóa năm 2013 - 2015, đất của gia đình cụ Lê Đức Đ lúc này mang tên Lê Thị Q là vợ kế cụ Đ thể hiện tại tờ bản đồ số 17, thửa 08 diện tích 216,9m². Còn đất gia đình bà T thể hiện tại tờ bản đồ số 17, thửa số 10 diện tích 243,2m² đứng tên ông Nguyễn Hữu Gi và bà Nguyễn Thị T. Ngày 22/9/2014 gia đình bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Do cụ Đ chết năm 2004 nên ngày 22/4/2019 gia đình đã họp phân chia thừa kế thống nhất giao toàn bộ mảnh đất cho con gái là bà Lê Thị C. Ngày 14/01/2020 bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 17 thửa số 08 diện tích 216,9m². Trong năm 2020 bà C bán lại mảnh đất cho vợ chồng chị H và vợ chồng chị Lan A. Ngày 21/4/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị Lan A tại tờ bản đồ số 17, thửa số 46 diện tích 108,1m²; cấp cho vợ chồng chị H tại tờ bản đồ số 17, thửa số 47 diện tích 108,8m².

Tòa án có công văn đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiên Lữ cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho gia đình bà T, bà C, vợ chồng chị H, vợ chồng chị Lan A làm căn cứ giải quyết vụ kiện.

Tòa án huyện tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2020, hợp đồng với Công ty cổ phần khoa học Tài nguyên và Môi trường đo vẽ hiện trạng phần đất

hai bên đang sử dụng. Kết quả phân đất gia đình chị H có tổng diện tích là 153,3m² thừa 26,5m² so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 108,8m². Còn phần đất gia đình bà T đang sử dụng là 323,8m², thừa 80,6m² so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 243,2m². Lý do việc đất hai bên đều thừa vì đã lấn chiếm ra diện tích đất ao nuôi trồng thủy sản của UBND xã ĐT quản lý ở phía Đông, gia đình bà T còn lấn chiếm bờ ruộng ở phía Nam. Các đương sự thống nhất chỉ giải quyết phần đất đã được cấp bìa đỏ, phần đất lấn chiếm do cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền giải quyết. Phần đất gia đình bà T về phía Bắc xây nhà mái bằng 02 tầng, mái văng tầng một đưa ra lấn sang đất vợ chồng chị H diện tích 0,3m² với chiều dài 1,97m, chiều rộng đầu phía Tây 20cm, chiều rộng đầu phía Đông 27cm.

Ngày 17/4/2023, Tòa án thành lập Hội đồng định giá tiến hành định giá đất, các tài sản trên đất làm căn cứ giải quyết vụ kiện. Kết quả phân đất gia đình chị H và gia đình bà T đang sử dụng giá trị 8.300.000đ/m² đất ở; 303.000đ/m² đất trồng cây hàng năm. Phần ban công nhà bà T xây đưa ra diện 0,3 m² trị giá 163.000đ.

Toà án huyện Tiên Lữ tiến hành phiên họp công khai các tài liệu chứng cứ và hoà giải nhiều lần nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đều vắng mặt, trong đó bị đơn đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn cố tình không đến tham gia phiên tòa. Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án xét xử buộc bà T phải trả lại 2,6m² đất lấn chiếm và phải tự phá dỡ phần ban công diện tích 0,3m² xây lấn sang đất của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ; hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục, đảm bảo khách quan; Hội đồng xét xử, Thư ký không thuộc trường hợp phải thay đổi; việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các qui định pháp luật phục vụ cho việc giải quyết vụ án; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 điều 12, khoản 5 điều 166, khoản 1 điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164, 166, 174, 175, 176 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 155, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn diện tích đất lấn chiếm theo kết quả công ty đo đạc đã cung cấp. Đối với phần ô

văng đưa sang nhà chị H 0,3m² buộc gia đình bà T phải phá dỡ. Đối với diện tích đất lấn chiếm do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng: miễn án phí sơ thẩm cho bị đơn vì là người già và phải thanh toán trả nguyên đơn chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định mốc giới, buộc bị đơn phải trả lại diện tích lấn chiếm được xác định là tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất qui định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn AL, xã ĐT, huyện Tiên Lữ nên theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân huyện TL. Nguyên đơn chị Vũ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn S ủy quyền cho ông Lê Tiến L là người đại diện hợp pháp. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

Đương sự xuất trình chứng cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hai gia đình, không bên nào phản đối chứng cứ do bên kia đưa ra. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã thu thập, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà thì có căn cứ xác định gia đình cụ Lê Đức Đ và gia đình bà Nguyễn Thị T có đất liền kề giáp nhau, đều mua của UBND xã ĐT bán cho năm 1993. Do cụ Đ chết năm 2004 nên năm 2019 gia đình đã hợp phân chia thừa kế thống nhất giao toàn bộ mảnh đất cho con gái là bà Lê Thị C. Ngày 14/01/2020 bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 17 thửa số 08 diện tích 216,9m² rồi bán lại mảnh đất cho vợ chồng chị H anh S và vợ chồng anh Khu chị Lan A. Ngày 21/4/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị Lan A tại tờ bản đồ số 17, thửa số 46 diện tích 108,1m²; cấp cho vợ chồng chị H tại tờ bản đồ số 17, thửa số 47 diện tích 108,8m².

Đất gia đình bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/9/2014 tại tờ bản đồ số 17, thửa số 10 diện tích 243,2m² đứng tên ông Nguyễn Hữu Gi và bà Nguyễn Thị T. Sau khi ông Gi chết, bà T là người tiếp tục sử dụng đất. Khi bà Lê Thị C sử dụng đất không tranh chấp với gia đình bà T. Chỉ khi bà

C bán đất cho vợ chồng chị H, xây nhà trên đất thì hai bên mới phát sinh tranh chấp mốc giới.

[2.1]. Xét diện tích đất nguyên đơn vợ chồng chị Vũ Thị H đang sử dụng HĐXX thấy rằng: Nguồn gốc mảnh đất mua lại của bà Lê Thị C, đã được cấp giấy chứng nhận ngày 21/4/2020 tại tờ bản đồ số 17, thửa số 47 diện tích 108,8m² với tứ cận phía Đông, phía Tây đều rộng 5,35m. Chiều dài cạnh phía Nam giáp đất bà T là 20,58m, phía Bắc giáp đất vợ chồng chị Lan A là 20,49m. Theo việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ ngày 09/8/2020 hiện trạng đất gia đình chị H diện tích là 153,3m² thửa 26,5m² so với bìa đỏ. Lý do thừa đất vì đã lấn chiếm ra diện tích đất ao nuôi trồng thủy sản do UBND xã ĐT quản lý ở phía Đông theo cả chiều dài hai cạnh thửa đất. Nhưng về chiều rộng cạnh phía Tây chỉ còn 5,32m (thiếu 3cm), cạnh phía Đông chỉ còn 5,02m (thiếu 33cm).

[2.2]. Xét diện tích đất của bị đơn gia đình bà Nguyễn Thị T đang sử dụng HĐXX thấy rằng: Nguồn gốc mảnh đất do vợ chồng bà mua được từ năm 1993 đã xây nhà, tường bao năm 1996. Ngày 22/9/2014 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 17, thửa số 10 diện tích 243,2m². Theo việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ ngày 09/8/2020 hiện trạng đất gia đình bà T diện tích là 323,8m² thửa 80,6m² so với bìa đỏ. Lý do thừa đất vì đã lấn chiếm ra diện tích đất ao nuôi trồng thủy sản của UBND xã ĐT quản lý ở phía Đông và lấn chiếm bờ ruộng ở phía Nam. Mặt khác, cạnh phía Tây giáp đường ĐH 90 hiện trạng là 14,34m, trong khi bìa đỏ cấp là 13,21m thừa 1,13m. Phần đất gia đình bà T về phía Bắc xây nhà mái bằng 02 tầng, mái văng tầng một đưa ra lấn sang đất vợ chồng chị H diện tích 0,3m² với chiều dài 1,97m, chiều rộng đầu phía Tây 20cm, chiều rộng đầu phía Đông 27cm nhìn bằng mắt thường cũng thấy rõ.

Do các đương sự thống nhất chỉ giải quyết phần đất đã được cấp bìa đỏ, phần đất lấn chiếm không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết, sau này do cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền giải quyết.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định gia đình bà T xây lấn sang đất gia đình chị H đang sử dụng một đầu phía Tây giáp đường ĐH 90 là 03cm, phía Đông giáp đất lấn chiếm là 33cm bằng 1,6m². Do phần ban công mái tầng một nhà bà T đưa ra lấn sang đất nhà chị H diện tích 0,3m² nếu gia đình chị H xây nhà theo chiều thẳng đứng sẽ không xây được và việc cắt bỏ phần đưa ra không ảnh hưởng đến công trình. Mặt khác, ngôi nhà bà T xây trước có móng và một phần tường nhà chiếm dụng vào phần 1,6m² đất lấn chiếm nếu trả bằng đất sẽ ảnh hưởng đến ngôi nhà. Do vậy HĐXX quyết định bà T sẽ trả phần đất lấn chiếm bằng tiền là $1,6\text{m}^2 \times 8.300.000\text{đ/m}^2 = 13.280.000\text{đ}$. Đối với phần ô văng đưa sang, gia đình bà T sẽ phải tự tháo dỡ để trả không gian theo chiều thẳng đứng của đất gia đình chị H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ xác định quan hệ pháp luật, áp dụng điều luật, hướng giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là người cao nên được miễn án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ đất và định giá tài sản số tiền 6.212.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả số tiền 6.212.000đ chi phí tố tụng cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, 170, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 160, 163, 164 Bộ luật Dân sự; Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 146, Khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại gia đình chị Vũ Thị H diện tích đất lấn chiếm 1,6m² được qui đổi giá trị đất bằng tiền là 13.280.000đ (*Mười ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị T phải phá dỡ ô văng nhà xây đua lấn sang phần đất của gia đình chị H diện tích 0,3m² với chiều dài 1,97m, chiều rộng cạnh phía Tây 20cm, chiều rộng cạnh phía Đông 27cm.

Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0004539 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Nguyễn Thị T vì là người cao tuổi.

Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả nguyên đơn chị Vũ Thị H số tiền 6.212.000đ chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá tài sản.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được quyền thi hành án có đơn yêu cầu hợp lệ đối với khoản tiền 13.280.000đ, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho đương sự có mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Tiên Lữ
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã ĐT
- Phòng KTNV&THA
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang